

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA VÌ – TP. HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14** /2021/HS-ST
Ngày: 21/01/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Thu Hương;**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Văn Hoan**

Ông Nguyễn Văn Bổng

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Quyển** – Thư ký Tòa án;

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, TP. Hà Nội tham gia phiên
tòa:* Ông **Nguyễn Thái Bình** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Vì
- thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:
132/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số: 01/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

1/ Trần Trung Đ– Sinh năm 1983; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Khu 10,
thôn KB, xã TP, huyện BV, TP. Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ
văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt
Nam; con ông: Trần Viết V – sinh năm 1956 và bà Trần Thị H - sinh năm 1958;
vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Bản án số 1252/HSPT ngày 02/08/2004 của Toà Phúc thẩm tại
Hà Nội xử phạt Đ 7 năm tù về tội hiếp dâm. Đ đã chấp hành xong hình phạt tù và
ra trại ngày 09/05/2009. Phần án phí hình sự sơ thẩm, hình sự phúc thẩm và án
phí dân sự, Đ đã chấp hành xong ngày 02/04/2007. Đối với phần bồi thường dân
sự, chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì không nhận được uỷ thác và đến nay
đã hết thời hiệu yêu cầu thi hành án.

- Tháng 10/2002, UBND xã TP xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây
thương tích

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/10/2020 tại Trại tạm giam số I
Công an TP Hà Nội. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Phùng Thế Đ1– Sinh năm 1984; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn KB, xã TP, huyện BV, TP. Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phùng Thế H1 (đã chết) và bà Trần Thị H2 - sinh năm 1955; vợ: Đỗ Thị C - sinh năm 1985 và có 2 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2011 chưa có; Tiền sự: Không;

Tiền án: Bản án số 28/HSST ngày 14/04/2016 của Toà án nhân dân huyện Ba Vì – TP Hà Nội xử phạt Đ1 24 tháng tù kể từ ngày 10/12/2015 về tội trộm cắp tài sản. Đ1 có đơn kháng cáo, tại bản án số 671/HSPT ngày 28/06/2016 của Toà án nhân dân TP Hà Nội bác kháng cáo của Đ1. Đ1 đã chấp hành xong hình phạt tù và ra trại ngày 10/09/2017. Phần án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm và hình sự phúc thẩm, Đ1 đã chấp hành xong ngày 27/02/2017. Phần bồi thường thiệt hại, Đ1 chưa nộp, bị hại chưa có đơn yêu cầu thi hành án.

Nhân thân:

- Bản án số 61/HSST ngày 17/07/2007 của Toà án nhân dân huyện Ba Vì – tỉnh Hà Tây xử phạt Đ1 9 tháng tù kể từ ngày 10/04/2007 về tội trộm cắp tài sản (trị giá tài sản là 250.000đ). Đ1 đã chấp hành xong hình phạt tù và ra trại ngày 10/01/2008. Phần án phí, Đ1 đã chấp hành xong ngày 16/06/2008.

- Bản án số 34/HSST ngày 31/12/2008 của Toà án nhân dân huyện Ba Vì – TP Hà Nội xử phạt Đ1 18 tháng tù kể từ ngày 24/09/2008 về tội trộm cắp tài sản (trị giá tài sản là 4.070.000đ). Đ1 đã chấp hành xong hình phạt tù và ra trại ngày 29/12/2009. Phần án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm, Đ1 đã chấp hành xong ngày 19/02/2009. Phần bồi thường thiệt hại, Đ1 chưa bồi thường song bị hại không có đơn yêu cầu, đến nay đã hết thời hiệu yêu cầu thi hành án

- Ngày 15/10/2006, công an xã TP xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản

- Năm 2011, đi cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm số 4 theo quyết định số 297 ngày 22/04/2011

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/10/2020 tại Trại tạm giam số I Công an TP Hà Nội. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Đỗ Thị C, sinh năm 1985

HKTT và chỗ ở hiện nay : Thôn KB, xã TP, huyện BV, TP. Hà Nội

(Chị C có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 6 giờ 30 phút ngày 01/10/2020, Trần Trung Đ1 điều khiển xe máy Honda Wave BKS 33N6-9614 đi từ nhà sang nhà Đ để cùng đi uống Methadone tại Trung tâm y tế Ba Vì. Sau đó, Trần Trung Đ điều khiển xe chở Phùng Thế Đ1 ngồi sau, khi ra đến cổng nhà Đ thì Đ lấy từ túi quần ra túi nilon màu xanh bên trong có 08 gói giấy chứa ma túy heroine đưa cho Đ1 và bảo Đ1 có ai hỏi mua thì bán. Đ1 đồng ý và cầm túi nilon chứa ma túy trên cát vào túi quần bên phải. Cả hai tiếp tục đi đến trung tâm y tế để uống thuốc. Tại đây, Đ1 nhận được điện thoại của Chu Văn Q hỏi mua 1 gói ma túy với giá 200.000đ thì Đ1 đồng ý và hẹn gặp tại khu vực bờ hồ Vật Phụ - Vật Lại. Sau khi nghe điện thoại xong, Đ1 nói chuyện lại với Đ và bảo Đ chờ đến chỗ hẹn gặp Q. Khi gặp nhau, Q lấy tiền ra đếm để trả cho Đ1 và Đ1 cũng lấy sẵn 1 gói ma túy cầm ở tay phải nhưng chưa kịp đưa cho nhau thì bị lực lượng công an đến kiểm tra và bắt quả tang. Do hoảng sợ, Đ1 đã thả gói ma túy xuống đất ngay chỗ Đ1 đứng, Q cũng thả số tiền 200.000đ xuống đất nhưng lực lượng công an đã phát hiện và thu giữ đồng thời thu giữ 7 gói ma túy còn lại trên người Đ1.

Tại Bản Kết luận giám định số 8771 ngày 09/10/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an TP Hà Nội xác định:

- *Chất bột màu trắng bên trong 01 gói giấy, bên ngoài bọc nilon màu xanh là ma túy loại heroine, khối lượng 0,035 gam*

- *Chất bột màu trắng bên trong 07 gói giấy, bên ngoài bọc nilon đều là ma túy loại heroine, tổng khối lượng 0,577 gam.*

Vật chứng đã tạm giữ gồm:

- 02 phong bì niêm phong tang vật có chữ ký niêm phong mang tên Phùng Thế Đ1, Trần Trung Đ do Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an TP Hà Nội hoàn trả sau giám định (8 gói ma túy thu giữ của Đ1 và Đ);

- Số tiền 200.000đ thu giữ của Chu Văn Q;

- 01 điện thoại di động FORME màu xanh lá cây, bên trong có sim số 0347129103 tạm giữ của Đ1.

- 01 điện thoại di động IPHONE 6 Plus màu vàng đã cũ, bên trong có sim số 0868168970 tạm giữ của Đ.

- 01 điện thoại di động Masstel màu đen, đã cũ, bên trong lắp sim số 0868168970 của Q.

- Số tiền 468.000đ tạm giữ của Đ.

- 01 đồng hồ mặt vuông, bên trong có chữ WOOK, bên ngoài và dây đeo bằng kim loại màu vàng, tạm giữ của Đ.

- 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ đen, BKS 33N6-9614 tạm giữ của Đ1.

Nguồn gốc ma túy: khoảng 12 giờ 30 phút ngày 30/09/2020, Trần Trung Đ đi xuống khu vực hồ Thành Công – Ba Đình – Hà Nội tìm chỗ mua ma túy thì gặp người đàn ông tên C1 (là người đi chấp hành án phạt tù cùng Đ năm 2004 nhưng Đ không rõ họ tên, tuổi, địa chỉ) nên Đ hỏi C1 có biết chỗ mua ma túy thì người đàn ông này đồng ý bán ma túy cho Đ. Sau đó, Đ mua được của người đàn ông này 1 túi nilon màu xanh bên trong có 10 gói ma túy heroine gói bằng giấy, bên ngoài bọc nilon màu trắng và xanh với giá 1.800.000đ. Đ mang số ma túy trên về nhà và sử dụng hết 2 gói ma túy, còn lại 8 gói Đ cất giấu trên người.

Tại bản cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Trần Trung Đ và Phùng Thế Đ1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 điều 251 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Trung Đ và Phùng Thế Đ1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51BLHS, xử phạt bị cáo Trần Trung Đ từ 42 tháng đến 48 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS xử phạt Phùng Thế Đ1 từ 36 tháng đến 42 tháng. Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo. Về vật chứng của vụ án đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy 02 phong bì niêm phong hoàn lại sau giám định; tịch thu sung công số tiền 200.000đ thu giữ của Chu Văn Q; tịch thu phát mại sung công - 01 điện thoại di động FORME đã cũ, màu xanh lá cây, imei 35596083219127, bên trong chứa 1 sim điện thoại và 01 điện thoại di động IPHONE 6 Plus đã cũ, màu vàng, bên trong chứa 1 sim điện thoại và 01 điện thoại di động hiệu Masstel, màu đen, đã cũ, bên trong chứa 1 sim điện thoại; trả lại số tiền 468.000đ và 01 đồng hồ mặt vuông, bên trong có chữ WOOK, bên ngoài và dây đeo bằng kim loại màu vàng, tạm giữ của Đ; trả lại 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ đen, BKS 33N6-9614 cho chị Đỗ Thị C. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa:

Căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến kiểm sát viên, lời khai nhận tội của các bị cáo, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ba Vì, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Phùng Thế Đ1 và Trần Trung Đ đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp biên bản phạm pháp quả tang, biên bản khám xét, biên bản đối chất, phù hợp lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản thu giữ tang vật CQĐT thu giữ, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, như vậy HĐXX có đủ cơ sở xác định: Ngày 01/10/2020 Trần Trung Đ đưa cho Phùng Thế Đ1 túi ni lông màu xanh trong có 8 gói chứa ma túy, bị cáo Đ1 đang chuẩn bị giao dịch bán 01 gói ma túy heroine cho Chu Văn Q có khối lượng 0,035 gam với giá 200.000đ thì bị lực lượng công an bắt quả tang và thu giữ được 7 gói ma túy trên người Đ1 có khối lượng 0,577gam. Do vậy HĐXX đã có đầy đủ căn cứ chứng minh hành vi của các bị cáo thực hiện đã phạm tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 251 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm tới chế độ độc quyền của Nhà nước đối với việc quản lý các chất ma túy, gây mất trật tự xã hội và còn là nguyên nhân gây ra các loại tội phạm khác. Vì vậy cần thiết phải xử lý nghiêm khắc để giáo dục riêng và phòng ngừa chung đồng thời góp phần vào công tác đấu tranh và phòng chống tội phạm.

Trong vụ án này có đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, không có sự phân công vai trò rõ rệt. Bị cáo Trần Trung Đ đã mua ma túy về để sử dụng và đưa cho Phùng Thế Đ1 để bán kiếm lời. Trong việc mua bán ma túy với Chu Văn Q thì Phùng Thế Đ1 là người trực tiếp thực hiện việc mua bán. Do vậy, bị cáo Phùng Thế Đ1 phải chịu mức án cao hơn bị cáo Trần Trung Đ để tương ứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phùng Thế Đ1 có tiền án về tội trộm cắp tài sản nên chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Trung Đ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân các bị cáo: Các bị cáo đều có nhân thân xấu.

Như vậy, bản thân các bị cáo là người mắc nghiện, đã từng bị xử phạt hành chính, từng nhiều lần bị kết án và đi cải tạo, ra trại không chịu tu chí làm ăn, không lấy đó làm bài học mà bị cáo lại tiếp tục phạm tội bán trái phép chất ma túy, bản thân các bị cáo là người hiểu rõ tác hại của ma túy nhưng lại cố tình reo rắc “cái chết trắng” cho người khác thông qua hành vi mua bán trái phép chất ma túy, hành vi của bị cáo thể hiện ý thức coi thường pháp luật, bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, bị cáo buộc phải biết, ý thức được tác hại của ma túy đối với sức khỏe bản thân, tệ nạn gây mất trật tự trị an xã hội, là nguyên nhân lây truyền các bệnh HIV, reo rắc cái chết trắng cho cộng đồng, xã hội, chỉ vì hám lợi nhuận mà bị cáo đã bán trái phép chất ma túy để thu lời bất chính, hành vi của bị cáo thực hiện, xã hội đòi hỏi phải xử lý minh mới có tác dụng răn đe bị cáo và những người khác, do vậy cần phải áp dụng điều 38 BLHS để quyết định một mức hình phạt nghiêm khắc, các ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội, nhằm giáo dục riêng, phòng ngừa chung, góp phần vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm về ma túy.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng”. HĐXX xét thấy các bị cáo Đ, Đ1 bản thân là người nghiện ma túy, không có công ăn việc làm, không có thu nhập kinh tế. Do đó, Hội đồng xét xử miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với Chu Văn Q là người mua ma túy về để sử dụng, xét nghiệm nước tiểu dương tính với ma túy, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính cảnh cáo đối với Q về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là đúng quy định pháp luật.

Đối với người đàn ông tên C1 đã bán ma túy cho Đ, CQĐT đã tiến hành xác minh, rà soát tại công an phường Thành Công – Ba Đình xác định: không có người đàn ông tên C1 có đặc điểm như Đ trình bày. Do đó, không có căn cứ để xác định con người cụ thể. Do vậy, HĐXX không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS vật chứng được xử lý như sau:

- 02 phong bì niêm phong hoàn lại sau giám định. Xét thấy cần tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 200.000đ thu giữ của Chu Văn Q. Xét thấy, cần tịch thu xung công quỹ nhà nước.

- 01 điện thoại di động FORME đã cũ, màu xanh lá cây, imei 35596083219127, bên trong chứa 1 sim điện thoại và 01 điện thoại di động IPHONE 6 Plus đã cũ, màu vàng, bên trong chứa 1 sim điện thoại và 01 điện thoại di động hiệu Masstel, màu đen, đã cũ, bên trong chứa 1 sim điện thoại. Xét thấy cần tịch thu phát mại xung công quỹ nhà nước.

- số tiền 468.000đ và 01 đồng hồ mặt vuông, bên trong có chữ WOOK, đã cũ, bên ngoài và dây đeo bằng kim loại màu vàng. Xét thấy, số tiền và đồng hồ không liên quan đến vụ án cần tuyên trả cho Trần Trung Đ.

- 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ đen, BKS 33N6-9614 số khung 176201, số máy 6176353, xe có 1 gương, không có chìa khoá điện, xe đã cũ, tình trạng xe không hoạt động được. Xét thấy, đây là chiếc xe của chị Đỗ Thị C là vợ của bị cáo Đ1 đi mua bán ma túy, nhưng chị C không biết, do vậy cần tuyên trả cho chị Đỗ Thị C.

Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Xử: Tuyên bố bị cáo **Trần Trung Đ, Phùng Thế Đ1** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS.

Xử phạt bị cáo: **Phùng Thế Đ1 40** (Bốn mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 01/10/2020.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS.

Xử phạt bị cáo: **Trần Trung Đ 36** (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 01/10/2020.

Căn cứ Điều 329 BLTTHS tiếp tục tạm giam các bị cáo Trần Trung Đ, Phùng Thế Đ1 để đảm bảo thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy 02 phong bì niêm phong tang vật mang tên Trần Trung Đ, Phùng Thế Đ1 do Phòng KTHS hoàn trả sau giám định.

- Tịch thu phát mại sung công: 01 điện thoại di động FORME đã cũ, màu xanh lá cây, imei 355960083219127, bên trong chứa 1 sim điện thoại và 01 điện thoại di động IPHONE 6 Plus đã cũ, màu vàng, bên trong chứa 1 sim điện thoại và 01 điện thoại di động hiệu Masstel, màu đen, đã cũ, bên trong chứa 1 sim điện thoại.

- Trả lại cho Trần Trung Đ 01 đồng hồ mặt vuông, bên trong có chữ WOOK, đã cũ, bên ngoài và dây đeo bằng kim loại màu vàng.

- Trả lại cho chị Đỗ Thị C 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ đen, BKS 33N6-9614 số khung 176201, số máy 6176353, xe có 1 gương, không có chìa khoá điện, xe đã cũ, tình trạng xe không hoạt động được.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an huyện Ba Vì và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì ngày 19/01/2021)

- Tịch thu sung công nhà nước số tiền 200.000đ thu giữ của Chu Văn Q;

- Trả lại cho bị cáo Trần Trung Đ số tiền 468.000đ

(Theo giấy giấy nộp tiền ngày 19 tháng 01 năm 2021 vào tài khoản số 394901052741 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba vì, Hà Nội)

5. Án phí: Áp dụng điều 135, điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự ; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Trung Đ phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Phùng Thế Đ1 phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng điều 331, điều 333 BLTTHS

Các bị cáo Trần Trung Đ, Phùng Thế Đ1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hà Nội;
- Viện KSND huyện Ba Vì;
- Công an huyện Ba Vì;
- Chi cục thi hành án huyện Ba Vì;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thu Hương

